TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Không

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ph**, sinh năm 1984 *(Có mặt)*

Địa chỉ: ấp M Đào, xã VKĐ, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1982 *(Vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp MĐ, xã VKĐ, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

2. Người có QLLQ: **Ngân hàng chính sách xã hội**

Địa chỉ: 169, phố Linh Đường, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Do ông **Nguyễn Văn Ch**, chức vụ: Giám đốc PGD Ngân hàng CSXH huyện An Minh, địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đại diện theo Quyết định uỷ quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc NHCSXH *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2017, bản tự khai và yêu cầu ngày 22/6/2017, nguyên đơn chị Trần Thị Ph trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay không đăng ký kết hôn. Hai người chung sống một thời gian thì phát sinh nhiều bất đồng dẫn đến không còn hạnh phúc, nguyên nhân do anh S không quan tâm đến vợ con, trong công việc thì không chịu khó, làm được bao nhiêu tiền thì anh đều chi xài hết. Đến tháng 8 năm 2015, anh S nói với chị là đi làm nhưng chị không biết anh đi đâu, làm gì, sau đó chị bị bệnh nên về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ thời gian đó cho đến nay anh S thỉnh thoảng có về nhà thăm con, sau đó thì tiếp tục đi, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay lại chung sống với nhau như trước, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con: Chị và anh S có hai đứa con chung tên Nguyễn Trần Điền S, sinh ngày 05/5/2003 (hiện đang sống chung với anh S) và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 02/4/2007 (hiện đang sống chung với chị).

Về tài sản: Chị và anh S không có tài sản chung.

Về nợ: Ngày 08/8/2015, chị có đứng tên vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện An Minh 8.000.000đ. Chị và anh S thuộc diện hộ nghèo nên được xét cho vay theo quy định, chị đứng tên đại diện hộ để vay theo tổ phụ nữ với mục đích vay chăn nuôi, anh S là người thừa kế trả nợ, số tiền này vay sử dụng chung trong gia đình.

Sau khi vay một thời gian chị có gửi 2.000.000đ cho bà Huỳnh Thị Đ để trả cho Ngân hàng, vì lúc đó bà Đào làm cán bộ phụ nữ ấp, những người vay trong tổ khi trả tiền thì có thể trả cho bà Đ hoặc trả trực tiếp cho Ngân hàng. Vì vậy, chị nghĩ là chị và anh S chỉ còn nợ Ngân hàng tiền vay gốc là 6.000.000đ, nên khi làm đơn khởi kiện chị trình bày chỉ còn nợ Ngân hàng 6.000.000đ gốc và tiền lãi. Nay biết được bà Đ chưa trả cho Ngân hàng 2.000.000đ mà chị đã gửi, nên xác định hiện nay chị và anh S còn nợ Ngân hàng 8.000.000đ gốc và tiền lãi.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con: Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Văn Đg, giao anh S tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Trần Điền S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai.

- Về tài sản: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ: Yêu cầu giải quyết phân chia trách nhiệm trả nợ như sau: Chị và anh S mỗi người trả một phần hai số tiền còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội, cụ thể: Chị và anh S mỗi người chịu trách nhiệm trả 4.000.000đ gốc và một phần hai tiền lãi.

Đối với 2.000.000đ chị đã giao cho bà Đ thì để chị và bà Đ tự xử lý với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết chung trong vụ án này.

** Tại văn bản ngày 06/4/2017 bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:*

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Ph.

- Về con: Đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Trần Điền S, giao con Nguyễn Văn Đ cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai.

- Về tài sản: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ: Thừa nhận vợ chồng có vay tiền và hiện còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội, khi ly hôn đồng ý trả một nữa số tiền còn nợ cho Ngân hàng.

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2017 Ngân hàng chính sách xã hội (phòng giao dịch huyện An Minh) trình bày và yêu cầu như sau:*

Ngày 15/8/2013 chị Trần Thị Ph đứng tên vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội với số tiền 8.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 0,65%/tháng, lãi quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 08/8/2015. Nhưng đến ngày 08/8/2015 chị Ph không có khả năng trả nên Ngân hàng gia hạn thời gian cho chị Ph đến ngày 08/8/2016. Nhưng từ đó cho đến nay chị Ph vẫn chưa trả. Nay yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị Trần Thị Ph phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tổng cộng số tiền còn nợ là 8.282.000đ, trong đó: 8.000.000đ gốc và 282.000đ tiền lãi tính đến ngày 06/3/2017.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Trần Thị Ph vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như nêu trên.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt, nhưng trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại văn bản ngày 06/4/2017.

- Ông Nguyễn Văn Ch là người đại diện của Ngân hàng chính sách xã hội trình bày: Yêu cầu giải quyết buộc chị Trần Thị Ph phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 8.470.000đ, trong đó: 8.000.000đ gốc và 470.000đ tiền lãi tính đến ngày 11/7/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn anh Nguyễn Văn S để anh S biết và có ý kiến về nội dung khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ph nêu ra, đến ngày 06/4/2017 anh S có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu

cầu của chị Ph, nên Tòa án triệu tập các đương sự để tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung. Mặc dù, đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do, như vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau đó, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng giấy triệu tập đương sự cho bị đơn anh Nguyễn Văn S, nhưng anh S có đơn yêu cầu Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh. Đồng thời, nguyên đơn chị Trần Thị Ph không yêu cầu Toà án hoãn phiên toà, do đó Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn S theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ph và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau năm 2002 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú)*. Như vậy, là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 anh chị vẫn không đăng ký kết hôn, nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng"* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, nay chị Ph có yêu cầu ly hôn với anh S, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ph và anh S.

- Về con: Chị Phg và anh S cùng thống nhất xác định, có 02 đứa con chung tên Nguyễn Trần Điền S, sinh ngày 05/5/2003 (hiện đang sống với anh S) và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 02/4/2007 (hiện đang sống với chị Ph). Khi ly hôn chị Ph và anh S cùng thống nhất thoả thuận, giao con Nguyễn Trần Điền S cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Văn Đ cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thoả thuận giữa các đương sự và đúng theo nguyện vọng của các con nên cần ghi nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản: Chị Ph và anh S cùng thống nhất xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà àn giải quyết nên HĐXX không xem xét đến.

- Về nợ: Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi liên quan Ngân hàng chính sách xã hội về việc yêu cầu chị Ph phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay còn nợ, thấy rằng:

Theo chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày thừa nhận của chị Ph và anh S có đủ cơ sở để xác định: Chị Ph đứng tên vay tại Ngân hàng chính sách xã hội (Phòng giao dịch huyện An Minh) 8.000.000đ, anh S ký người thừa kế và mục đích vay là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, vì vậy theo quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cả chị Ph và anh S phải cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với với số tiền vay nêu trên. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu chị Ph phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ trong khi chị Ph không tự nguyện nhận trách nhiệm trả toàn bộ thì không thể chấp nhận theo yêu cầu của Ngân hàng, mà phải buộc chị Ph và anh S phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng (mỗi người trả phân nữa) theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời bản thân anh S cũng có ý kiến đồng ý chia trách nhiệm trả một phần hai số nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

- Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội; Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 27, Điều 30; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ph và anh Nguyễn Văn S.

- *Về con:* Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Trần Thị Ph và anh Nguyễn Văn , giao con chung tên Nguyễn Trần Điền S, sinh ngày 05/5/2003 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng *(hiện Điền Sơn đang sống với anh S)*, giao con chung Nguyễn Văn Đ, sinh ngày sinh ngày 02/4/2007 cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng *(hiện Đ đang sống với chị Ph)*, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai.

- *Về tài sản:* Không xem xét đến.

- *Về nợ:* Buộc chị Trần Thị Ph và anh Nguyễn Văn S mỗi người phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội (thông qua Phòng giao dịch huyện An Minh) **4.000.000**đ gốc và **235.000**đ tiền lãi tính đến ngày 11/7/2017. Đồng thời phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong số tiền phải trả.

- *Về án phí*:

+ Chị Trần Thị Ph phải chịu phải chịu **300.000**đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và **300.000**đ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng, tổng

cộng chị Ph phải chịu **600.000**đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000202 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Ph còn phải tiếp tục nộp **300.000**đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn S phải chịu **300.000**đ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng chính sách xã hội (phòng giao dịch huyện An Minh) **300.000**đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000269 ngày 31/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Trần Thị Ph và đại diện của người có quyền lợi liên quan Ngân hàng chính sách xã hội; vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn S. Báo cho nguyên đơn Trần Thị Phường biết có quyền kháng cáo bản án này; người có quyền lợi liên quan Ngân hàng chính sách xã hội (Phòng giao dịch huyện An Minh) có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2017). Bị đơn Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án này thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản chính bản án này hoặc bản chính bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM; tỉnh KG;
- Tòa án tỉnh KG;
- THADS huyện AM;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

Võ Văn Lịnh